

Bảng 1.22 - CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-TCĐBVN ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Tổng cục ĐBVN)

STT	Tên QL. Lộ	Tên cầu	Lý trình	Tỉnh	Chiều dài (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										11A	11B	11C	11D	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11A	11B	11C	11D	12
1	QL37B	Thái Hòa	Km6+100	Kiến Xương, Thái Bình	6	1	7,35	6,85	H13-X60	(*)			H13-X60	Đang được XD mới thay thế trên đoạn tuyến mới
2	QL.37B	Trà Lý	Km16+100	Tiền Hải, Thái Bình	348,15	9	11	7	H30-XB80		25-30-30			
3	QL.37B	Cam	Km28+230	Kiến Xương, Thái Bình	65,5	5	4,5	4	H13-X60		30-45-45			
4	QL37	Cống Thóc	Km2+700	Thái Thụy, Thái Bình	40,6	3	7,5	7	H13-X60			13T		
5	QL.37	Thụy Trình (Cháy)	Km4+480	Thái Thụy, Thái Bình	7	1	4	4	H13-X60	(*)			H13-X60	
6	QL.37	An Bái	Km6+150	Thái Thụy, Thái Bình	9	1	4,5	4	H13-X60	(*)			H13-X60	
7	QL.39	Nai	Km48+230	Hung Hà, Thái Bình	19,9	3	7	6	H13-X60	(*)			H13-X60	

STT	Tên Q.Lộ	Tên cầu	Lý trình	Tỉnh	Chiều dài (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										11A	11B	11C	11D	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10					12
8	QL.39	Lê	Km50+110	Hung Hà, Thái Bình	13,8	2	8,8	8.3	H13-X60			10T		
9	QL.39	Nại	Km52+680	Hung Hà, Thái Bình	35,5	5	7,5	7	H13-X60			13T		
10	QL.39	Đồng Tu	Km55+362	Hung Hà, Thái Bình	28	3	8,8	7	H13-X60			13T		
11	QL.39	Ngoại Trình	Km107+600	Thái Thụy, Thái Bình	7,7	3	8	5	H13-X60	(*)			H13-X60	

Ghi chú:

1. Các cầu trên quốc lộ phạm vi Sở GTVT Thái Bình quản lý không ghi trong bảng trên là các cầu không cấm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT.
2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.
3. Các chỉ số tại Cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tổng tải trọng xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tổng tải trọng xe đầu kéo kéo rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tổng tải trọng xe thân liền kéo rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng).
Ví dụ: Cột 11B có ghi : 23-29-32, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 23 tấn; Xe đầu kéo kéo rơ mooc được lưu thông với tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 29 tấn và xe thân liền kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 tấn.
4. Chỉ số ghi ở Cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe" (Biển số theo Quy chuẩn số QCVN 41:2012/BGTVT. Ví dụ ở cột 11C có ghi số "17"- Nghĩa là cầu có cấm biển Hạn chế trọng lượng xe từ 17 tấn trở lên.
5. Cầu nào mà ở Cột 11A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D